| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN EA H'LEO**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2019
Kiện không công nhận là vợ chồng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Phạm Đăng Khoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Hoàng Tuyển.

- Ông Vũ Xuân Thụ.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Đặng Thị Hòa – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại Phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Ea H'leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2019/TLST - HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2019, về việc kiện "Yêu cầu không công nhận là vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

*2. Bị đơn:* Anh Lê Tiến L, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Tiến L sống với nhau năm 1997, anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không có tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã, anh L cứ uống rượu say về là gây sự, đánh đập vợ con, sỉ nhục chị T. Ngoài

ra, anh L còn có quan hệ ngoài vợ chồng với người phụ nữ khác, thách thức chị. Mặc dù chị T đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh L vẫn không thay đổi. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không có đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án tuyên bố không phải là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Tiến L có 02 con chung là: Lê Đức Anh T, sinh năm 1998; Lê Anh Hà M, sinh ngày 02/4/2008. Hiện nay, cháu T đã chết nên không có yêu cầu về vấn đề nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu anh Lê Tiến L cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng để chị nuôi dưỡng cháu M cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và các khoản nợ: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Tiến L tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai và quá trình làm việc bị đơn anh Lê Tiến L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Tiến L và chị Nguyễn Thị T chung sống với nhau từ năm 1997 trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống với nhau anh chị hay xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Mặc dù, đã cố gắng nhiều nhưng vẫn không thể tiếp tục chung sống với nhau được. Nay anh L nhận thấy không còn tình cảm với chị T nữa nên yêu cầu Tòa án tuyên bố anh chị không phải là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống với nhau anh L và chị T có 02 con chung như chị T trình bày. Anh L có nguyện vọng giao cháu M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L cấp dưỡng cho chị T số tiền 3.000.000 đồng/tháng để nuôi dưỡng cháu M, kể từ ngày giải quyết xong vụ án cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và các khoản nợ: Anh Lê Tiến L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Tiến L chung sống với nhau từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do mâu thuẫn nên chị T khởi kiện yêu cầu không công nhận là vợ chồng với anh L và Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Tiến L chung sống với nhau từ năm 1997, trong cuộc sống hai bên thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không có cùng quan điểm sống, thường xuyên xung đột với nhau. Xét thấy, anh chị không còn yêu thương, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, thực tế hôn nhân không còn tồn tại, nếu tiếp tục chung sống cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai người. Vì vậy, cần cho chị T và anh L được ly hôn, để giải phóng sự ràng buộc giữa hai người.

Tuy nhiên, chị T và anh L chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy, đây không phải là hôn nhân hợp pháp, căn cứ vào các Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân gia đình nên không giải quyết cho anh chị theo thủ tục ly hôn được mà cần tuyên bố không công nhận chị T và anh L là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Tiến L có 02 con chung là: Lê Đức Anh T, sinh năm 1998; Lê Anh Hà M, sinh ngày 02/4/2008. Hiện nay, cháu T đã chết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến vấn đề nuôi dưỡng. Chị T và anh L đều có nguyện vọng giao cháu M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Mặt khác, cháu M cũng có nguyện vọng được sống chung với chị T.

Xét về điều kiện kinh tế của hai người, nguyện vọng của chị T, anh L, cháu M và để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu M, cần giao cháu Lê Anh Hà M cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị T yêu cầu anh Lê Tiến L cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng để nuôi dưỡng cháu Lê Anh Hà M cho đến khi đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T rút yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị T phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử cần đình chỉ giải quyết về phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và các khoản nợ: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Tiến L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1

Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/QH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc yêu cầu không công nhận là vợ chồng với anh Lê Tiến L. Tuyên bố chị Nguyễn Thị T và anh Lê Tiến L không phải là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Anh Hà M, sinh ngày 02/4/2008 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T về việc yêu cầu anh Lê Tiến L cấp dưỡng số tiền 3.000.000 đồng/tháng để nuôi dưỡng cháu Lê Anh Hà M.

Anh Lê Tiến L có quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và các khoản nợ: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Tiến L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

5. Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số: AA/2017/0010865, ngày 29/3/2019.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Tiến L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Phạm Đăng Khoa**